

Số: /TB-HĐTS

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh hệ chính quy năm 2026**

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-ĐHTTTr ngày 28/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào; Quyết định số 544/QĐ-ĐHTTTr ngày 02/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào; Quyết định số 507/QĐ-ĐHTTTr ngày 27/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế thi tuyển sinh của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-ĐHTT ngày 12/01/2026 về việc triển khai công tác tuyển sinh năm 2026;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Tân Trào thông báo tuyển sinh hệ chính quy năm 2026 như sau:

- 1. Mã trường:** TQU.
- 2. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- 3. Phạm vi tuyển sinh:** Trên toàn quốc và nước ngoài.
- 4. Các ngành tuyển sinh**

| TT | Ngành tuyển sinh               | Mã ngành | Chỉ tiêu | Tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                         |
|----|--------------------------------|----------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Giáo dục Mầm non (hệ đại học)  | 7140201  | 250      | - C00: Văn; Sử; Địa<br>- C19: Văn; Sử; GD&ĐT<br>- C03: Văn; Toán; Sử<br>- C04: Văn; Toán; Địa<br>- D14: Văn; Sử; Tiếng Anh<br>- D15: Văn; Địa; Tiếng Anh |
| 2  | Giáo dục Mầm non (hệ cao đẳng) | 51140201 | 70       | - X01: Toán; Văn; GD&ĐT<br>- X70: Văn; Sử; GD&ĐT<br>- X74: Văn; Địa; GD&ĐT                                                                               |

|   |                           |         |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---|---------------------------|---------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | Giáo dục Tiểu học         | 7140202 | 280 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán; Lý; Hóa</li> <li>- D01: Văn; Toán; Tiếng Anh</li> <li>- D09: Toán; Sử; Tiếng Anh</li> <li>- C03: Văn; Toán; Sử</li> <li>- C04: Văn; Toán; Địa</li> <li>- X01: Toán; Văn; GDKTPL</li> </ul>                                                                |
| 4 | Sư phạm Toán học          | 7140209 | 60  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán; Lý; Hóa</li> <li>- A01: Toán; Lý; Tiếng Anh</li> <li>- B00: Toán; Hóa; Sinh</li> <li>- A02: Toán; Lý; Sinh</li> <li>- D01: Văn; Toán; Tiếng Anh</li> </ul>                                                                                                |
| 5 | Sư phạm Ngữ văn           | 7140217 | 50  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- C00: Văn; Sử; Địa</li> <li>- D01: Văn; Toán, Tiếng Anh</li> <li>- D14: Văn; Sử; Tiếng Anh</li> <li>- C03: Văn; Toán; Sử</li> <li>- C04: Văn; Toán; Địa</li> <li>- X01: Toán; Văn; GDKTPL</li> <li>- X70: Văn; Sử; GDKTPL</li> <li>- X74: Văn; Địa; GDKTPL</li> </ul> |
| 6 | Sư phạm Khoa học tự nhiên | 7140247 | 30  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán; Lý; Hóa</li> <li>- A01: Toán; Lý; Tiếng Anh</li> <li>- A02: Toán; Lý; Sinh</li> <li>- B00: Toán; Hóa; Sinh</li> <li>- B01: Toán; Sử; Sinh</li> <li>- B08: Toán; Sinh; Tiếng Anh</li> </ul>                                                                |
| 7 | Sư phạm Sinh học          | 7140213 | 20  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- A02: Toán; Lý; Sinh</li> <li>- B00: Toán; Hóa; Sinh</li> <li>- B01: Toán; Sử; Sinh</li> <li>- B02: Toán; Sinh; Địa</li> <li>- B03: Toán; Văn; Sinh</li> <li>- B08: Toán; Sinh; Tiếng Anh</li> <li>- C08: Văn; Hóa; Sinh</li> </ul>                                   |
| 8 | Điều dưỡng                | 7720301 | 90  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- A02: Toán; Lý; Sinh</li> <li>- B00: Toán; Hóa; Sinh</li> <li>- B01: Toán; Sử; Sinh</li> <li>- B02: Toán; Sinh; Địa</li> <li>- B03: Toán; Văn; Sinh</li> <li>- B08: Toán; Sinh; Tiếng Anh</li> <li>- C08: Văn; Hóa; Sinh</li> </ul>                                   |

|    |                          |         |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|--------------------------|---------|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9  | Dược học                 | 7720201 | 30 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán; Lý; Hóa</li> <li>- A05: Toán; Hóa; Sử</li> <li>- B00: Toán; Hóa; Sinh</li> <li>- C02: Văn; Toán; Hóa</li> <li>- C05: Văn; Lý; Hóa</li> <li>- C08: Văn; Hóa; Sinh</li> <li>- D07: Toán; Hóa; Tiếng Anh</li> <li>- D12: Văn; Hóa; Tiếng Anh</li> </ul> |
| 10 | Công nghệ thông tin      | 7480201 | 90 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán; Lý; Hóa</li> <li>- A01: Toán; Lý; Tiếng Anh</li> <li>- B00: Toán; Hóa; Sinh</li> <li>- D01: Văn; Toán, Tiếng Anh</li> <li>- D07: Toán; Hóa; Tiếng Anh</li> </ul>                                                                                     |
| 11 | Khoa học dữ liệu         | 7460108 | 20 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- X02: Toán; Văn; Tin học</li> <li>- X26: Toán; Tin; Tiếng Anh</li> <li>- X25: Toán; GDKTPL; Tiếng Anh</li> </ul>                                                                                                                                                 |
| 12 | Kế toán                  | 7340301 | 70 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- A00: Toán; Lý; Hóa</li> <li>- A01: Toán; Lý; Tiếng Anh</li> <li>- C01: Văn; Toán; Lý</li> </ul>                                                                                                                                                                 |
| 13 | Kinh tế                  | 7310101 | 20 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- C02: Văn; Toán; Hóa</li> <li>- C03: Văn; Toán; Sử</li> <li>- D01: Văn; Toán, Tiếng Anh</li> </ul>                                                                                                                                                               |
| 14 | Kinh tế nông nghiệp      | 7620115 | 20 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- D09: Toán; Sử; Tiếng Anh</li> <li>- X01: Toán; Văn; GDKTPL</li> </ul>                                                                                                                                                                                           |
| 15 | Kinh tế đầu tư           | 7310104 | 20 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- X02: Toán; Văn; Tin học</li> <li>- X26: Toán; Tin; Tiếng Anh</li> <li>- X25: Toán; GDKTPL; Tiếng Anh</li> </ul>                                                                                                                                                 |
| 16 | Quản trị DVDL và lễ hành | 7810103 | 35 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- C00: Văn; Sử; Địa</li> <li>- C19: Văn; Sử; GD&amp;CD</li> </ul>                                                                                                                                                                                                 |
| 17 | Quản lý văn hóa          | 7229042 | 30 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- C03: Văn; Toán; Sử</li> <li>- C04: Văn; Toán; Địa</li> </ul>                                                                                                                                                                                                    |
| 18 | Công tác xã hội          | 7760101 | 35 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- D01: Văn; Toán, Tiếng Anh</li> <li>- D14: Văn; Sử; Tiếng Anh</li> </ul>                                                                                                                                                                                         |
| 19 | Tâm lý học               | 7310401 | 20 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- D15: Văn; Địa; Tiếng Anh</li> <li>- X01: Toán; Văn; GDKTPL</li> </ul>                                                                                                                                                                                           |
| 20 | Chính trị học            | 7310201 | 20 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- X70: Văn; Sử; GDKTPL</li> <li>- X74: Văn; Địa; GDKTPL</li> </ul>                                                                                                                                                                                                |
| 21 | Huấn luyện thể thao      | 7810302 | 30 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- T00: Toán, Sinh, Năng khiếu</li> <li>- T01: Toán, Văn, Năng khiếu</li> </ul>                                                                                                                                                                                    |

|    |          |         |    |                                                                                                                                                                                       |
|----|----------|---------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |         |    | - T02: Văn, Sinh, Năng khiếu<br>- T05: Toán, GDKTPL, Năng khiếu<br>- T08: Văn, GDKTPL, Năng khiếu<br>- T09: Toán, Sử, Năng khiếu<br>- T10: Văn, Sử, Năng khiếu                        |
| 22 | Lâm sinh | 7620205 | 20 | - A02: Toán; Lý; Sinh<br>- B00: Toán; Hóa; Sinh<br>- B02: Toán; Sinh; Địa<br>- B08: Toán; Sinh; Tiếng Anh<br>- B01: Toán; Sử; Sinh<br>- B03: Toán; Văn; Sinh<br>- C08: Văn; Hóa; Sinh |

**Lưu ý:** Đối với các ngành đào tạo giáo viên, chỉ tiêu chính thức thực hiện theo Văn bản giao chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 5. Phương thức tuyển sinh

- PT 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8);
- PT 100: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026;
- PT 200: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ lớp 12);
- PT 500: Xét tuyển căn cứ vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/THPTQG trước năm 2026.

### 6. Thời gian thi tuyển, xét tuyển

#### 6.1. Thi tuyển năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao

- Thời gian nộp hồ sơ: Trước ngày 20/5/2026.
- Thời gian thi tuyển: Trước ngày 30/5/2026 (Trường sẽ có thông báo riêng).
- Hồ sơ gồm: Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu trên website) và 02 ảnh 4x6 (ảnh chụp không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

#### 6.2. Xét tuyển thẳng

| TT | Nội dung triển khai                                                                                                                      | Thời gian                                     | Tổ chức, cá nhân thực hiện     |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|
| 1  | Thí sinh nộp hồ sơ về Trường.                                                                                                            | Từ ngày 10/6/2026- trước 17h00 ngày 20/6/2026 | Thí sinh<br>Ban Thư ký<br>HĐTS |
| 2  | Tổ chức xét tuyển thẳng và thông báo kết quả cho thí sinh; cập nhật danh sách trúng tuyển thẳng lên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Trước 17h00 ngày 30/6/2026                    | Hội đồng tuyển sinh            |

### 6.3. Xét tuyển đợt 1 trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

| TT | Nội dung triển khai                                                                                                                                                                                                                                        | Thời gian                                         | Tổ chức, cá nhân thực hiện |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------|
| 1  | Thí sinh tự do (đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026) nộp hồ sơ về Trường theo quy định.                                                                                                                                                                      | Từ ngày ra thông báo đến 17 giờ 00 ngày 30/4/2026 | Thí sinh<br>Phòng Đào tạo  |
| 2  | Thí sinh tự do đăng ký cấp tài khoản đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo).                                                                                                                                          | Từ ngày 01/5 đến ngày 20/5/2026                   | Thí sinh                   |
| 3  | Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (tối đa 10 nguyện vọng) trong thời gian quy định tại địa chỉ <a href="https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn">https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn</a>                                                  | Từ ngày 02/7 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026         | Thí sinh                   |
| 4  | Công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khối ngành đào tạo giáo viên, khối ngành sức khỏe.                                                                                                                                                               | Ngày 08/7/2026                                    | Hội đồng tuyển sinh        |
| 5  | Hoàn thành việc điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển                                                                                                                                                                                          | Trước 17 giờ 00 ngày 10/7/2026                    | Hội đồng tuyển sinh        |
| 6  | Thí sinh nộp kinh phí xét tuyển trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.                                                                                                                                                                      | Từ ngày 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 21/7/2026         | Thí sinh                   |
| 7  | Tải dữ liệu, thông tin xét tuyển; điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT trên Hệ thống; Tổ chức xét tuyển; nhập mức điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển lên hệ thống; rà soát và chuẩn bị công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 theo lịch chung. | Từ ngày 29/7/2026 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2026    | Hội đồng tuyển sinh        |
| 8  | Thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1                                                                                                                                                                                                                       | Ngày 13/8/2026                                    | Hội đồng tuyển sinh        |
| 9  | Hoàn thành xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống.                                                                                                                                                                                               | Trước 17 giờ 00 ngày 21/8/2026                    | Thí sinh                   |

### 6.4. Xét tuyển bổ sung

Trường thực hiện xét tuyển bổ sung từ ngày 22/8/2026 (nếu còn chỉ tiêu), thông tin chi tiết sẽ có thông báo riêng.

### 7. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển thí sinh theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, nguyện vọng cao xét trước, nguyện vọng thấp xét sau cho tới khi đủ chỉ tiêu của ngành (Nguyện

vọng 1 là nguyện vọng cao nhất), nếu thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển của nhiều phương thức thì sẽ được công nhận trúng tuyển ở phương thức có thứ tự ưu tiên cao hơn (thứ tự ưu tiên 1 là cao nhất). Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau ở cuối danh sách trường xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên: điểm môn chính, điểm xét tốt nghiệp THPT, KV1, KV2\_NT, KV2, KV3.

## **8. Chính sách ưu tiên**

Thực hiện theo theo điều 7, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non ban hành kèm theo quyết định số 294/QĐ-ĐHTr ngày 28/3/2025 của Trường Đại học Tân Trào; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

## **9. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

### *9.1. Phương thức xét tuyển thẳng*

Đủ điều kiện xét tuyển thẳng theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo quyết định số 294/QĐ-ĐHTr ngày 28/3/2025 của Trường Đại học Tân Trào.

### *9.2. Xét tuyển căn cứ vào điểm thi tốt nghiệp (mã phương thức 100, 500)*

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên, Dược học, Điều dưỡng: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định, dự kiến công bố ngày 08/7/2026.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành còn lại: Tổng điểm 3 môn của tổ hợp môn xét tuyển cộng điểm lệch so với tổ hợp gốc và điểm ưu tiên (nếu có) từ 16 điểm trở lên.

### *9.3. Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập THPT (mã phương thức 200)*

- Đối với ngành Dược học và nhóm ngành đào tạo giáo viên (trừ ngành Cao đẳng Mầm non hệ cao đẳng): Có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Đối với ngành Điều dưỡng, Giáo dục Mầm non (hệ cao đẳng): Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- Các ngành còn lại: Tổng điểm 3 môn của tổ hợp môn xét tuyển cộng điểm lệch so với tổ hợp gốc và điểm ưu tiên (nếu có) từ 16 điểm trở lên.

### *9.4. Tiêu chí phụ khác*

| <b>TT</b> | <b>Ngành tuyển sinh</b>  | <b>Tiêu chí phụ</b>                      |
|-----------|--------------------------|------------------------------------------|
| 1         | Giáo dục Mầm non (hệ ĐH) | Môn Văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$  |
| 2         | Giáo dục Mầm non (hệ CĐ) | Môn Văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$  |
| 3         | Giáo dục Tiểu học        | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$ |

|    |                           |                                                |
|----|---------------------------|------------------------------------------------|
| 4  | Sư phạm Toán học          | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 6$       |
| 5  | Sư phạm Ngữ văn           | Môn Văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 6$        |
| 6  | Sư phạm Khoa học tự nhiên | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 6$       |
| 7  | Sư phạm Sinh học          | Môn Sinh trong tổ hợp xét tuyển $\geq 6$       |
| 8  | Điều dưỡng                | Môn Sinh trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$       |
| 9  | Dược học                  | Môn Hóa trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$        |
| 10 | Công nghệ thông tin       | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5.5$     |
| 11 | Kế toán                   | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$       |
| 12 | Quản trị DVĐL và lữ hành  | Môn Văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$        |
| 13 | Quản lý văn hóa           | Môn Văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$        |
| 14 | Công tác xã hội           | Môn Văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$        |
| 15 | Tâm lý học                | Môn Văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$        |
| 16 | Chính trị học             | Môn Văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$        |
| 17 | Kinh tế nông nghiệp       | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$       |
| 18 | Lâm sinh                  | Môn Sinh trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$       |
| 19 | Huấn luyện thể thao       | Môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$ |
| 20 | Kinh tế                   | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$       |
| 21 | Khoa học dữ liệu          | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5.5$     |
| 22 | Kinh tế đầu tư            | Môn Toán trong tổ hợp xét tuyển $\geq 5$       |

### 10. Quy đổi điểm

- Điểm xét tuyển: Tổng điểm 3 môn của tổ hợp môn xét tuyển + điểm lệch so với tổ hợp gốc + điểm ưu tiên (nếu có).

- Điểm trúng tuyển phương thức mã 100 = Điểm trúng tuyển phương thức mã 500 = Điểm trúng tuyển mã phương thức 200.

- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng một ngành (nếu có) sẽ được công bố sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố phổ điểm các môn năm 2026.

### 11. Hồ sơ, lệ phí xét tuyển

- Hồ sơ xét tuyển gồm có: Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu tại Website: [daihoctantrao.edu.vn](http://daihoctantrao.edu.vn)); Bản photocopy: Học bạ THPT, Giấy khai sinh, Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT, Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG, Căn cước công dân, Giấy tờ chứng nhận đối tượng tuyển thẳng (nếu xét tuyển thẳng), Giấy tờ chứng nhận đối tượng ưu tiên khác.

- Hạn nộp hồ sơ:

+ Trước 17h00 ngày 20/6/2026 (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng).

+ Trước 17h00 ngày 30/4/2026 (đối với thí sinh tự do).  
+ Trước 17h00 ngày 20/5/2026 (đối với thí sinh thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao).

- Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/nguyên vọng. Thí sinh thanh toán lệ phí xét tuyển trên hệ thống xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian quy định.

- Lệ phí thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao: 300.000/ thí sinh.

**\* Lưu ý:** Chỉ thí sinh tự do (đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026) và thí sinh đăng ký xét tuyển tại mục 6.1; 6.2 mới phải nộp hồ sơ về Trường; thí sinh tốt nghiệp năm 2026 xét tuyển PT 100, PT 200 chỉ cần đăng ký nguyện vọng trên hệ thống xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian quy định.

Thí sinh tra cứu các thông tin khác tại Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Tân Trào, đăng tải trên website <https://daihocantrao.edu.vn/>. SĐT hỗ trợ tư vấn tuyển sinh 0866.159.959/0812885919.

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo trường;
- Các trường THPT trong tỉnh;
- Trường DBĐHDTTU;
- Trường PT Vùng cao Việt Bắc;
- Các đơn vị, đoàn thể (t/h);
- BBT website;
- Lưu VT, ĐT<sub>(Hà)</sub>.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG  
Nguyễn Minh Anh Tuấn**